

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2026/DS-PT

Ngày 22 - 6 - 2026

*“V/v tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh

Các Thẩm phán:

Ông Dương Hà Ngân

Ông Nguyễn Hồng Chương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Vương Thị Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc *“Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2026/DS-ST ngày 13-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 277/2026/QĐ-PT ngày 13-4-2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1966; ông Ngô Lập D, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn E, xã Q, tỉnh Lâm Đồng - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Ông Đỗ Văn K, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn C, xã N, tỉnh Lâm Đồng.
Văn bản ủy quyền ngày 15-9-2025 - Vắng mặt.

+ Ông Hoàng Thanh C1, sinh năm 1984; địa chỉ: Văn phòng L; số D C, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 15-9-2025 - Có mặt.

- Bị đơn: ông Tạ Nguyên T, sinh năm 1992 (có mặt) và bà Phạm Lê Ngọc N (có mặt), sinh năm 1993; cùng địa chỉ: tổ dân phố E, phường B, tỉnh Lâm Đồng (bà N ủy quyền cho ông T).

Người kháng cáo: bị đơn Phạm Lê Ngọc N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05-6-2025, ông Tạ Nguyên T, bà Phạm Lê Ngọc N vay của ông Nguyễn Đức C và Ngô Lập D 2.900.000.000đ thông qua hình thức chuyển khoản. Ngày 06-6-2025, vợ chồng ông T trả 900.000.000đ. Tại thời điểm cho vay, hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi trong giấy vay.

Do không có tiền trả, ngày 13-6-2025, ông T, bà N viết giấy vay tiền 2.000.000.000đ và thỏa thuận thời hạn trả nợ 90 ngày (đồng thời sau 45 ngày kể từ ngày vay, ông T, bà N sẽ trả 1.000.000.000 đồng);

Quá hạn trả nợ, ông T, bà N không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T, bà N phải trả 2.000.000.000 đồng.

Ngày 11-12-2025, nguyên đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu ông T, bà N trả lãi với mức 10%/năm kể từ ngày 10-8-2025 đến ngày 11-12-2025 là 66.400.000 đồng, đồng thời buộc bị đơn tiếp tục trả lãi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn Tạ Nguyên T trình bày:

Tháng 6-2025, ông T có vay của Nguyễn Đức C và Ngô Lập D 2.900.000.000đ và đã trả 900.000.000đ cùng một số tiền lãi với hình thức chuyển khoản. Do công việc không thuận lợi nên ông không có khả năng thanh toán nên đồng ý bàn giao nhà và đất, trị giá khoảng 8.000.000.000đ (đang thế chấp tại Ngân hàng B với số tiền khi tất toán khoảng 5.000.000.000đ), khi ông C, ông D tất toán, ông T đồng ý làm thủ tục chuyển nhượng. Trường hợp nguyên đơn không đồng ý thì ông T đồng ý trả nợ gốc và lãi, tuy nhiên, hiện tại ông T không có tiền để trả ngay.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Lê Ngọc N (vợ của ông Tạ Nguyên T) đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và ủy quyền cho ông Tạ Nguyên T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2026/DS-ST ngày 13-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức C, ông Ngô Lập D đối với ông Tạ Nguyên T và bà Phạm Lê Ngọc N. Buộc ông Tạ Nguyên T, bà Phạm Lê Ngọc N phải trả cho ông Nguyễn Đức C, ông Ngô Lập D tổng số tiền 2.084.999.000 đồng (*trong đó: tiền gốc 2.000.000.000 đồng, tiền lãi 84.999.000 đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 10-02-2026, bị đơn Phạm Lê Ngọc N kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn Phạm Lê Ngọc N không có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn vì việc vay tiền của ông Tạ Nguyên T không liên quan đến bà N; hủy giấy vay nợ ngày 13-6-2025; không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; đồng thời đề nghị nguyên đơn cung cấp hợp đồng hoặc giấy vay tiền ngày 05-6-2025.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Phạm Lê Ngọc N giữ nguyên kháng cáo; bị đơn Tạ Nguyên T cho rằng việc vay tiền do cá nhân ông thực hiện, không liên quan đến bà Phạm Lê Ngọc N, ông T đồng ý trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn; người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án. Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án.

Về nội dung: Ngày 05-6-2025, bị đơn Tạ Nguyên T vay của nguyên đơn 2.900.000.000 đồng, sau đó ông T trả 900.000.000 đồng. Việc vay tiền do ông T quyết định, mục đích vay tiền không sử dụng, chi tiêu chung của vợ chồng. Đối với giấy vay tiền đề ngày 13-6-2025 giữa nguyên đơn và bị đơn thực chất là chót nợ, nguyên đơn, bị đơn thừa nhận không giao nhận tiền. Việc bị đơn Phạm Lê Ngọc N ký vào giấy vay tiền là xác nhận khoản nợ của ông T. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn Phạm Lê Ngọc N cùng có nghĩa vụ với ông Tạ Nguyên T trả nợ cho nguyên đơn là không có căn cứ, nên cần chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Lê Ngọc N, sửa Bản án sơ thẩm số 02/2026/DS-ST ngày 13-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà N phải có nghĩa vụ cùng ông T trả

cho nguyên đơn số tiền 2.084.999.000 đồng. Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đơn kháng cáo của bị đơn Phạm Lê Ngọc N nộp trong thời hạn, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. *Xét kháng cáo của bị đơn Phạm Lê Ngọc N đối với việc không đồng ý liên đới trả nợ gốc 2.000.000.000 đồng và lãi cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng*:

[2.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, việc vay số tiền 2.900.000.000 đồng diễn ra ngày 05-6-2025, ông Tạ Nguyên T là người nhận tiền của nguyên đơn, bà Phạm Lê Ngọc N không liên quan, đồng thời việc trả số tiền 900.000.000 đồng cho nguyên đơn cũng do ông T tự quyết định, bà Phạm Lê Ngọc N không biết.

[2.2]. Đối với nội dung giấy vay tiền đề ngày 13-6-2025 giữa nguyên đơn và bị đơn thực chất là giấy nhận nợ, không chuyển giao tiền cho bị đơn. Mặc dù bị đơn Phạm Lê Ngọc N ký vào giấy vay tiền, nhưng đây là việc xác nhận ông T có nợ tiền của nguyên đơn, điều này thể hiện (tại bút lục số 36) ông T ghi: “Sau 45 ngày tôi sẽ hoàn trả trước 1 tỷ cho bên cho vay”. Việc ghi này là cam kết của cá nhân ông T, không liên quan đến bà N. Hơn nữa, ông T thừa nhận vay số tiền 2.900.000.000 đồng của nguyên đơn để dùng vào mục đích trả nợ cho khoản vay tín chấp của riêng ông T, không vì nhu cầu của gia đình. Đây là nghĩa vụ riêng của ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông TẠ NGUYỄN T đồng ý trả nợ cả gốc 2.000.000.000 đồng và lãi cho nguyên đơn.

[2.4]. Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Phạm Lê Ngọc N, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2026/DS-ST ngày 13-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng. Buộc ông TẠ NGUYỄN T trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn là phù hợp.

[3]. *Về án phí dân sự*:

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn Phạm Lê Ngọc N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do bị đơn Phạm Lê Ngọc N không có nghĩa vụ trả nợ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 351, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 45 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Phạm Lê Ngọc N. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2026/DS-ST ngày 13-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức C, ông Ngô Lập D về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” đối với ông Tạ Nguyên T, bà Phạm Lê Ngọc N.

Buộc ông Tạ Nguyên T phải trả cho ông Nguyễn Đức C, ông Ngô Lập D 2.084.999.000đ (*Hai tỷ không trăm tám mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng*); (trong đó: Tiền gốc 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*); tiền lãi 84.999.000đ (*T1 mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng*)).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Tạ Nguyên T không trả số tiền trên thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức C, ông Ngô Lập D về việc yêu cầu bà Phạm Lê Ngọc N cùng có nghĩa vụ với ông Tạ Nguyên T trả số tiền gốc và lãi là 2.084.999.000 đồng.

3. Về án phí dân sự:

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Tạ Nguyên T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 73.699.000đ (*Bảy mươi ba triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng*). Ông Nguyễn Đức C, ông Ngô Lập D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 36.000.000đ (*ba mươi sáu triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003837 ngày 03-10-2025 và 1.660.000đ (*một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010499 ngày 15-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Lê Ngọc N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Lê Ngọc N 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*)

đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0004391 ngày 18-3-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ II);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 6 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 6 - Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh